

# QNS – Công ty cổ phần Đường Quảng Ngãi - UPCOM

QNS là doanh nghiệp đứng đầu ngành sữa đậu nành hộp giấy (thị phần chiếm 90%) và sản xuất đường tại Việt Nam. Mức giá phù hợp với doanh nghiệp là 58-60, xa hơn là 65.

Luận điểm đầu tư hiện tại:

- Được hưởng lợi từ sự thiếu hụt nguồn cung đường trên thế giới làm xu hướng giá tăng lên và việc chống bán phá giá đường Thái Lan tại Việt Nam.
- Lãnh đạo công ty liên tục đăng ký mua vào cổ phiếu.
- Cơ cấu tài chính an toàn, lành mạnh, tài sản chủ yếu là tiền mặt (chiếm 41.5%).
- Tỷ lệ cổ tức ổn định, cổ tức 2021 là 30% tương ứng với D/P khoảng 4%.

## 1. Quá trình hình thành và phát triển

Năm 1970	Thành lập Công ty Đường Quảng Ngãi
Năm 2005	Cổ phần hóa
Năm 2008	Lập Công ty con TNHH MTV TM Thành Phát
Năm 2009	Nhà nước thoái hết vốn tại QNS
Năm 2010	Nhà máy Cồn và Rượu ngừng hoạt động
Năm 2012	Xây NM Sữa Đậu nành Vinasoy tại Bắc Ninh - GD1 công suất 90 triệu lít/năm <b>Mở rộng NM Bia Dung Quất - công suất 50 triệu lên 100 triệu lít/năm</b> Mở rộng NM Đường An Khê - công suất 10.000 tấn/năm
Năm 2014	<b>Xây NM Sữa Đậu nành Vinasoy tại Bắc Ninh - GD2 công suất 180 triệu lít/năm</b>
Năm 2016	Niêm yết tại UPCOM <b>Xây NM Sữa Đậu nành Vinasoy tại Bình Dương - GD1 công suất 90 triệu lít/năm</b> <b>Mở rộng NM Đường An Khê - công suất 18.000 tấn/năm</b>
Năm 2018	NM Điện sinh khối An Khê hoạt động <b>Đầu tư sản xuất Đường tinh luyện RE - công suất 1000 tấn đường/ngày</b>
Năm 2020	Sữa Đậu nành Fami được bán tại Trung Quốc
Năm 2021	Chuyển Trung tâm Giống mía Quảng Ngãi thành Trung tâm nghiên cứu phát triển Đậu nành Dây chuyển Đường tinh luyện RE hoạt động thương mại

## 2. Cơ cấu cổ đông

	SLCP	%	Số lượng cổ phiếu cổ đông nội bộ nắm giữ là khoảng 30%.
Cổ đông lớn (>5%)	97,627,785	27.4%	Quỹ VinaCapital sở hữu khoảng 7%.
Cổ đông khác:	259,312,170	72.6%	
Tổng cộng	356,939,955	100.0%	Cơ cấu cổ đông của QNS tương đối phân tán, lượng cổ phiếu trong tay cá nhân khá nhiều.
Trong nước:	295,172,298	82.7%	
Tổ chức	82,441,261	23.1%	
Cá nhân	212,731,037	59.6%	
Nước ngoài:	61,767,657	17.3%	
Tổ chức	61,200,725	17.1%	
Cá nhân	566,932	0.2%	

### 3. Ngành nghề kinh doanh và nhà máy hoạt động

SX Mía đường	Nhà Máy Đường An Khê Nhà Máy Đường Phố Phong Xí nghiệp Cơ giới Nông nghiệp An Khê Trung tâm NC&UD Giống mía Gia Lai	Gia Lai Quảng Ngãi Gia Lai Gia Lai
Năng lượng	Nhà máy Điện sinh khối An Khê Phân xưởng sản xuất hơi	Gia Lai Quảng Ngãi
SX Sản phẩm khác	Nhà máy Bia Dung Quất Nhà máy Nước khoáng Thạch Bích NM Bánh kẹo Biscafun Nhà máy Nha Quảng Ngãi	Quảng Ngãi Quảng Ngãi Quảng Ngãi Quảng Ngãi
SX Sữa đậu nành	Nhà máy Sữa đậu nành Việt NamVinasoy Nhà máy Sữa đậu nành Vinasoy Bắc Ninh NM Sữa đậu nành Vinasoy Bình Dương TT nghiên cứu và ứng dụng đậu nành Vinasoy TT nghiên cứu và phát triển đậu nành Vinasoy Trạm Khảo nghiệm đậu nành Tây Nguyên	Quảng Ngãi Bắc Ninh Bình Dương Quảng Ngãi Đắk Nông
Phục vụ	Nhà máy Cơ khí Trung tâm Môi trường và Nước sạch	Quảng Ngãi Quảng Ngãi
Văn phòng đại diện	VPĐD CTCP Đường Quảng Ngãi tại Tp.HCM VPĐD CTCP Đường Quảng Ngãi tại Hà Nội	HCM Hà Nội
Công ty con	CT TNHH MTV TM Thành Phát - HCN Quang Phú	Quảng Ngãi

Nhà máy sản xuất chính của QNS tập trung tại Quảng Ngãi, ngoài ra còn có các cơ sở sản xuất tại Bắc Ninh, Bình Dương.

#### - Mảng sữa đậu nành

QNS thuộc top 5 nhà sản xuất đậu nành lớn nhất thế giới. Tổng công suất là 390 triệu lít/năm, tổng tiêu thụ là 270 triệu lít/năm. Tại Việt Nam chiếm thị phần 90%.

Công ty tự nghiên cứu và tự chủ được vùng nguyên liệu đậu nành chất lượng cao.

#### - Mảng đường

CS NMD An Khê	18.000 tấn/năm
DC Đường tinh luyện RE	1.000 tấn/ngày
Sản lượng mía	950.000 tấn
Sản lượng đường mía	100.000 tấn
Sản lượng đường RE	25.000 tấn

Năm 2021 sản lượng đường thế giới là 169 triệu tấn, sản lượng tiêu thụ là 174.6 triệu tấn, thâm hụt 4.8 triệu tấn giúp giá đường có xu hướng tăng.

### 4. Báo cáo tài chính

Cân đối kế toán	Năm 2018 01/01-31/12 KT/HN	Năm 2019 01/01-31/12 KT/HN	Năm 2020 01/01-31/12 KT/HN	Năm 2021 01/01-31/12 KT/HN
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>3,178</b>	<b>3,840</b>	<b>4,184</b>	<b>5,323</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	418	215	420	179
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	1,699	2,660	2,639	3,923
Các khoản phải thu ngắn hạn	468	281	264	386
Hàng tồn kho	585	661	843	816
Tài sản ngắn hạn khác	8	24	19	19
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>4,823</b>	<b>5,208</b>	<b>5,762</b>	<b>4,552</b>
Tài sản cố định	4,388	4,157	3,807	4,285
Bất động sản đầu tư				
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn			800	
<b>Tổng cộng tài sản</b>	<b>8,002</b>	<b>9,048</b>	<b>9,946</b>	<b>9,876</b>
<b>Nợ phải trả</b>	<b>2,649</b>	<b>2,578</b>	<b>2,674</b>	<b>2,781</b>
Nợ ngắn hạn	2,622	2,553	2,655	2,710
Nợ dài hạn	27	25	18	71
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>5,353</b>	<b>6,470</b>	<b>7,272</b>	<b>7,095</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	2,926	3,569	3,569	3,569
Thặng dư vốn cổ phần	288	353	353	353
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2,467	2,813	2,743	3,368
<b>Lợi ích của cổ đông thiểu số</b>				
<b>Tổng cộng nguồn vốn</b>	<b>8,002</b>	<b>9,048</b>	<b>9,946</b>	<b>9,876</b>

Kết quả kinh doanh	Năm 2018 01/01-31/12 KT/HN	Năm 2019 01/01-31/12 KT/HN	Năm 2020 01/01-31/12 KT/HN	Năm 2021 01/01-31/12 KT/HN
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>8,031</b>	<b>7,681</b>	<b>6,213</b>	<b>7,335</b>
Giá vốn hàng bán	5,737	5,224	4,194	5,073
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>2,294</b>	<b>2,456</b>	<b>2,020</b>	<b>2,262</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	87	138	194	143
Chi phí tài chính	96	77	72	66
Chi phí bán hàng	762	785	627	694
Chi phí quản lý doanh nghiệp	176	214	231	253
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>1,348</b>	<b>1,517</b>	<b>1,284</b>	<b>1,392</b>
Lợi nhuận khác	57	26	33	47
Phần lợi nhuận/lỗ từ công ty liên kết liên doanh				
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>1,405</b>	<b>1,543</b>	<b>1,318</b>	<b>1,439</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>1,240</b>	<b>1,292</b>	<b>1,104</b>	<b>1,254</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ</b>	<b>1,240</b>	<b>1,292</b>	<b>1,104</b>	<b>1,254</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VNĐ)	5,020	4,313		4,117

Cơ cấu tài chính của QNS an toàn, hoạt động kinh doanh ổn định.

- Tiền mặt chiếm tỷ trọng 41.5% tổng tài sản.
- Khoản phải thu chủ yếu là chi cho người trồng mía.
- Tài sản cố định tăng do nhà máy đường tinh luyện RE đi vào hoạt động.
- Vốn vay ngắn hạn là 2032 tỷ, chiếm 20.6% tổng tài sản, vay từ BIDV, VCB và CTG Quảng Ngãi.
- Vốn chủ tăng đều qua các năm.
- Biên lãi ròng được duy trì đều qua các năm khoảng 19%, biên lãi gộp mảng đường và sữa đậu nành năm 2021 lần lượt là 23.4% và 40.2%, tương ứng với đóng góp 5.1% và 22.4% tổng doanh thu.
- Kiểm soát chi phí tốt hơn 2020, dù tăng chi phí vận chuyển do ảnh hưởng của dịch bệnh và chi phí marketing, nhưng ngược lại giảm được chi phí khuyến mãi.

## 5. Định hướng 2022

- Giữ vững vị thế đầu ngành sữa đậu nành hộp giấy, mở rộng thị trường sang Nhật Bản, Trung Quốc, Mỹ và Hàn Quốc.
- Vươn lên trở thành doanh nghiệp sản xuất đường lớn nhất Việt Nam.
- Đưa dự án sữa chua uống của Nhà máy Sữa đậu nành Vinasoy vào hoạt động.
- Nghiên cứu sản xuất Ethanol và dự án sản xuất thịt từ thực vật.
- Bổ sung thêm ngành nghề Nấm men sấy.

